TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Vũ Quang B, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện Y, tỉnh U.

(Chị H đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y, tỉnh U và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống, anh B có dấu hiệu không chung thuỷ trong quan hệ vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm đánh chửi nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly

hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 28/6/2005, cháu Vũ Thu H2, sinh ngày 08/11/2007 và cháu Vũ Xuân B1, sinh ngày 01/7/2016. Hiện con H1 đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai con H2 và B1 đang sống cùng chị nên chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Vũ Quang B nhiều lần, tuy nhiên anh B không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Y đã tiến hành tống đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho B ở gia đình tại thôn C, xã E, huyện Y, tỉnh U, anh B đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên không đến Toà án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Y đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2024, Ủy ban nhân dân xã E cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau: Anh Vũ Quang B, sinh ngày 10/8/1979, có căn cước công dân số 034079007737 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/10/2022 là công dân có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn C, xã E, huyện Y, tỉnh U. Anh B và chị H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã E vào ngày 03/9/2004 (vào sổ đăng ký kết hôn số 17). Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại xã E. Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Theo địa phương nắm được thông tin thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên hiện nay cả hai đã sống ly thân, chị H cùng các con đã chuyển sang huyện T sinh sống, còn anh B vẫn sinh sống tại địa phương. Nay chị H xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án hòa giải để các đương sự đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng, các đương sự cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Qua theo dõi quản lý khai sinh tại địa phương thì B và chị H có ba người con chung như chị H trình bày. Về tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh B địa phương không nắm được. Hiện không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh với địa phương về việc vay nợ với chị H và anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh B mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị H xin ly hôn anh; được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về

nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Quang B; Về con chung: Con Vũ Thu H1, sinh ngày 28/6/2005 đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên không đặt ra giải quyết; giao con Vũ Thu H2, sinh ngày 08/11/2007 và con Vũ Xuân B1, sinh ngày 01/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện Y, tỉnh U, hiện nay anh B đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vũ Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y, tỉnh U và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 03/9/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh B có dấu hiệu không chung thuỷ nên vợ chồng thường xuyên va chạm dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị đã bỏ sang huyện T để sinh sống, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh B, anh B đã biết được việc chị H xin ly hôn anh nhưng anh không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị H, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh B không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh B cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ năm 2019. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu

không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị Hồng cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh B có 03 con chung là cháu Vũ Thu H1, sinh ngày 28/6/2005, cháu Vũ Thu H2, sinh ngày 08/11/2007 và cháu Vũ Xuân B1, sinh ngày 01/7/2016. Cháu H1 hiện nay khỏe mạnh và đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H2 và cháu B1 hiện đang sống cùng chị, đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ và vẫn phát triển về thể chất và tinh thần bình thường. Căn cứ vào thông tin cung cấp của Uỷ ban nhân dân xã E, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu H2 và cháu B cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Vũ Thu H2 và Vũ Xuân B1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Quang B.

2. Về con chung: Chị H và anh B có ba con chung là cháu Vũ Thu H1, sinh ngày 28/6/2005, cháu Vũ Thu H2, sinh ngày 08/11/2007 và cháu Vũ Xuân B1 sinh ngày 01/7/2016. Cháu Vũ Thu H2 đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Vũ Thu H2 và Vũ Xuân B1, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của

pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004110 ngày 27/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí của chị H đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thuỵ Ninh;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh